

VỀ VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC TÔN GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

ĐẶNG THI LAN(*)

Hiện nay, trên tinh thần đổi mới nhận thức về tôn giáo, Đảng và Nhà nước ta đã nhận định tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, trong tôn giáo có những giá trị tốt đẹp về đạo đức, văn hoá. Vấn đề đạo đức tôn giáo đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Các giáo lý tôn giáo đều chứa đựng một số giá trị đạo đức nhân bản rất hữu ích cho việc xây dựng nền đạo đức mới và nhân cách con người Việt Nam hiện nay. Giá trị lớn nhất của đạo đức tôn giáo là góp phần duy trì đạo đức xã hội, hoàn thiện nhân cách cá nhân, hướng con người đến Chân – Thiện – Mỹ. Tuy nhiên, đạo đức tôn giáo cũng còn nhiều yếu tố tiêu cực, nó hướng con người đến hạnh phúc hư ảo và làm mất tính chủ động, sáng tạo của con người. Vấn đề đặt ra là, cần nhận diện đúng vai trò của đạo đức tôn giáo nhằm phát huy những giá trị tốt đẹp của tôn giáo và hạn chế những tác động tiêu cực của nó đối với việc hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam hiện nay.

Trong xu thế đổi mới hiện nay, cùng với những chuyển biến căn bản trong đời sống kinh tế - xã hội, sự đổi mới trong tư duy lý luận, trong nhận thức về tôn giáo cũng đã và đang diễn ra.

Trước đây, trong một thời gian dài, chúng ta đã coi tôn giáo như là “tàn dư” của xã hội cũ, là kết quả sai lầm trong nhận thức của con người. Tôn giáo bị xem như cái đối lập với chủ nghĩa xã hội, với khoa học, kỹ thuật hiện đại và cần phải loại bỏ.

Gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã có những nhận định mang tính khách quan, khoa học về tôn giáo, xác định tôn giáo còn tồn tại lâu dài và có một số giá trị đạo đức phù hợp với lợi ích của toàn dân, với công cuộc xây dựng xã hội mới và do vậy, cần phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hoá, đạo đức của tôn giáo. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc hoạch định chính sách tôn giáo, bảo vệ và tu tạo các di sản văn hoá tôn giáo.

Việc tìm hiểu, chỉ ra chân giá trị của các tôn giáo còn có ý nghĩa nhất định trong công cuộc đổi mới hiện nay, khi mà chúng ta cần phải huy động mọi nguồn lực tham gia vào sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó có vấn đề quan trọng là củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và kế thừa, phát huy những “hạt nhân hợp lý”, những giá trị văn hoá đạo đức trong tôn giáo vào việc xây dựng nền đạo đức mới, nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Khi đi sâu tìm hiểu về đạo đức tôn giáo, chúng tôi thấy có nhiều quan điểm khác nhau. Có quan điểm cho rằng, đạo đức tôn giáo không chứa đựng những yếu tố tích cực, tiến bộ, mà hoàn toàn đối lập với đạo đức trần thế, không thể áp dụng vào đời sống hiện thực. Quan điểm khác lại cho rằng, tôn giáo không có đạo đức riêng, đạo đức tôn giáo chỉ là sự vay mượn đạo đức

(*) Tiến sĩ, Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

chung của nhân loại và mỗi tôn giáo có thể nhấn mạnh điểm này hay điểm khác.

Trước khi phân tích vai trò của đạo đức tôn giáo đối với đời sống xã hội, chúng tôi muốn đề cập đến một cách khái quát cơ sở lý luận của việc nghiên cứu đạo đức tôn giáo. Theo chúng tôi, để khẳng định có hay không có đạo đức tôn giáo thì cần phải bắt đầu từ các luận điểm sau đây:

Thứ nhất, cần bắt đầu từ luận điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về đặc điểm phản ánh của ý thức xã hội, nhất là sự tác động lẫn nhau giữa các hình thái ý thức xã hội trong quá trình phản ánh tồn tại xã hội.

Khi chỉ ra nguyên lý về vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội, chủ nghĩa duy vật lịch sử đồng thời cũng chỉ ra rằng, bản thân đời sống ý thức xã hội cũng có tính độc lập tương đối của nó. Trong quá trình phát triển, các hình thái ý thức xã hội có sự giao lưu, kế thừa và ảnh hưởng lẫn nhau. Như vậy, ý thức tôn giáo không bao giờ tồn tại một cách biệt lập với các hình thái ý thức khác, như đạo đức, thẩm mỹ, chính trị, pháp luật... Giữa chúng có sự liên hệ, tác động qua lại và ảnh hưởng lẫn nhau, tạo ra sự phong phú của mỗi hình thái ý thức xã hội. Trong ý thức tôn giáo không thể không có những yếu tố của tư tưởng đạo đức, thẩm mỹ, văn hoá,... và trong điều kiện xã hội có giai cấp, nó còn có cả những yếu tố chính trị, đảng phái nữa. Tôn giáo không thể tồn tại và phát triển qua hàng ngàn năm trong lịch sử của các dân tộc khác nhau trên thế giới, nếu như bản chất của nó chỉ bao gồm những sai lầm, ảo tưởng và tiêu cực. Trong *Phát hiện Ấn Độ*, J.Nehru đã viết: "Rõ ràng là tôn giáo đã đáp ứng một nhu cầu trong tính chất con người và đa số người trên thế

giới đều không thể không có một dạng tín ngưỡng nào đó... Tôn giáo đã đưa ra một loại giá trị cho cuộc sống con người, mà dù một số chuẩn mực ngày nay không còn được áp dụng, thậm chí còn tai hại, nhưng những chuẩn mực khác vẫn còn là cơ sở cho tinh thần và đạo đức"(1).

Như vậy, có thể nói, trong quá trình phản ánh tồn tại xã hội, giữa hình thái ý thức tôn giáo và hình thái ý thức đạo đức luôn có quan hệ tương tác, đan xen và thâm nhập lẫn nhau. Sự tác động biện chứng đó lại diễn ra trong tính quy định của điều kiện sinh hoạt vật chất xã hội; vì vậy, bản thân tôn giáo chứa đựng những nội dung đạo đức là điều có thể hiểu được.

Với tư cách những thành tố tạo nên kiến trúc thượng tầng của xã hội, tôn giáo và đạo đức phản ánh tồn tại xã hội theo các cách khác nhau. Tôn giáo phản ánh một cách hư ảo hiện thực khách quan vào trong đầu óc con người; trong đó, cái hiện thực đã bị biến dạng, cái tự nhiên đã trở thành cái siêu nhiên. Còn đạo đức phản ánh các mối quan hệ của con người với nhau và với xã hội, đó là những mối quan hệ hiện thực.

Thứ hai, khi xem xét tôn giáo như một hình thái ý thức xã hội độc lập với các hình thái ý thức khác, chúng ta thấy nó chứa đựng nội dung đạo đức (bao gồm giá trị, chuẩn mực, lý tưởng đạo đức...) thể hiện trong giáo lý tôn giáo.

Bất cứ tôn giáo nào cũng có một hệ thống chuẩn mực và giá trị đạo đức nhằm điều chỉnh ý thức và hành vi đạo đức của các tín đồ. Đa số các tôn giáo đều tuyên bố

(1) J.Nehru. *Phát hiện Ấn Độ*, t.1. Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1990, tr. 29.

về giá trị tối cao của các lực lượng siêu nhiên (Thượng đế, Chúa trời, Thần thánh) và mọi giá trị khác phải lấy đó làm chuẩn.

Thực tế cho thấy, quan niệm đạo đức của hầu hết mọi tôn giáo, ngoài những giá trị đặc thù bảo vệ niềm tin tôn giáo thiêng liêng, còn đề cập đến những chuẩn mực đạo đức mang tính nhân loại, như sống hiếu thảo với cha mẹ, trung thực, nhân ái, hướng tới cái thiện, tránh xa điều ác... Trong *Khoa học và tôn giáo*, Bertrand Russell cho rằng, một tôn giáo lớn bao giờ cũng có hệ thống tín điều, hệ thống đạo đức và giáo hội. Người theo tôn giáo không phải sống thế nào cũng được, mà phải sống theo những khuôn phép đạo đức hợp với tín điều của tôn giáo mình; hành động không phải chỉ là thực hành một số hình thức nghi lễ, mà còn phải sống theo những quy tắc đạo đức nhất định. Vì vậy, đương nhiên, một số nội dung của đạo đức trở thành bộ phận cấu thành nội dung của tôn giáo.

Vấn đề trung tâm của Phật giáo là "diệt khổ" để hướng đến giải thoát, chứng được Niết bàn. Muốn đạt được điều đó, con người không chỉ cần có niềm tin tôn giáo, mà còn cần cả sự phấn đấu nỗ lực của bản thân bằng cách *thực hành một đời sống đạo đức*. Từ đó, Phật giáo đã đưa ra những chuẩn mực đạo đức rất cụ thể để con người tu tập, phấn đấu. Trong đó, phổ biến nhất là Ngũ giới (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu) và Thập thiện (ba điều thuộc về thân: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm; ba điều thuộc về ý thức: không tham lam, không thù hận, không si mê; bốn điều thuộc về khẩu: không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai chiều,

không ác khẩu). Những chuẩn mực này, nếu lược bỏ màu sắc mang tính chất tôn giáo, sẽ là những nguyên tắc ứng xử phù hợp giữa người với người, rất có ích cho việc duy trì đạo đức xã hội.

Trong đạo đức Kitô giáo, giới răn yêu thương được xem là nền tảng. Con người trước hết phải yêu Thiên Chúa rồi yêu thương đến bản thân mình. Đây là cơ sở để thực hiện tình yêu tha nhân. Kinh thánh khuyên con người phải yêu chồng vợ, cha mẹ, con cái, anh em, làng xóm, cộng đồng... Những điều mà Kinh thánh răn cấm cũng rất cụ thể: không giết người, không lấy của người, không nói sai sự thật, không ham muốn chồng hoặc vợ của người, không làm chứng giả để hại người... Ngoài ý nghĩa đức tin vào cái siêu nhiên (Thượng đế, Chúa), những chuẩn mực, quy phạm đạo đức ấy là những quy phạm đạo đức rất cụ thể hướng con người đến điều thiện, tránh xa điều ác.

Phải nói rằng, tôn giáo đã đề cập trực tiếp đến những vấn đề đạo đức cụ thể của cuộc sống thế tục và ít nhiều mang giá trị có tính nhân văn. Trên thực tế, những giá trị, chuẩn mực đạo đức của các tôn giáo có ý nghĩa nhất định trong việc duy trì đạo đức xã hội. Do vậy, có thể khẳng định rằng, "trong hệ thống những giá trị chuẩn mực tôn giáo, ngoài những điều khuyên răn cấm đoán tạo nên nội dung riêng của đạo đức tôn giáo, còn có những điều khuyên răn cấm đoán không hề có nội dung tôn giáo, mà là biểu hiện của các mối quan hệ thuần túy trần thế"(2).

(2) Nguyễn Hữu Vui. *Tôn giáo và đạo đức nhìn từ mặt triết học*. Tạp chí Triết học, số 4, 1993, tr. 46.

Thứ ba, từ việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, chúng ta có thể khẳng định rằng, khi bàn về tôn giáo, các nhà kinh điển đã đề cập đến vấn đề đạo đức tôn giáo; trong đó, các ông không chỉ phê phán mặt tiêu cực, mà còn chỉ ra một số ý nghĩa tích cực của đạo đức tôn giáo.

Khi mới ra đời, hầu hết các tôn giáo đều phản ánh khát vọng tự do, bình đẳng của người lao động. C.Mác đã khẳng định: "Sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy"(3). Con người bất lực, không kiếm tìm được hạnh phúc nơi trần thế và đành phải tìm hạnh phúc ấy nơi Thiên đường. Tôn giáo đã gieo vào họ niềm tin ở sự cứu vớt, giải thoát của các đấng siêu nhiên. Ph.Ăngghen đã nghiên cứu lịch sử tôn giáo, đặc biệt là lịch sử Thiên chúa giáo và chứng minh rằng, sự xuất hiện của tôn giáo này là phản ứng chống lại sự bất công và tàn bạo của chế độ nô lệ. Tương tự như vậy, Phật giáo nguyên thủy là khát vọng của quần chúng phản kháng lại sự phân chia đẳng cấp khắc nghiệt của xã hội Ấn Độ cổ đại. Thiên chúa giáo kêu gọi tình yêu thương giữa con người với con người, Phật giáo chủ trương bình đẳng, từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha. Ngoài ra, chúng ta còn có thể nêu lên những nét tích cực của nhiều tôn giáo khác, khi các tôn giáo này xây dựng mối quan hệ yêu thương giữa người với người, hướng con người vào những việc thiện, biết giữ gìn đạo đức và xa lánh những điều ác.

Song, cũng phải thừa nhận rằng, C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin không đi sâu vào những vấn đề nói trên. Toàn bộ thời gian của các ông được dành cho việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản của cách mạng, những vấn đề gắn liền với sự nghiệp giải

phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động bị áp bức trên toàn thế giới.

Khi phân tích, đánh giá vai trò xã hội của tôn giáo, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác – Lênin luôn xuất phát từ lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhìn nhận vấn đề tôn giáo theo quan điểm lịch sử - cụ thể và gắn với thực tế sinh động của cuộc sống. V.I.Lênin thường nói đến những tác động tiêu cực của tôn giáo và giáo hội trong từng tình huống cụ thể, nhất là mưu toan lợi dụng tôn giáo của các thế lực phản động hòng bảo vệ chế độ bóc lột và đầu độc quần chúng bị áp bức. Chúng đã biến đạo đức tôn giáo thành bộ áo nguy trang cho lợi ích giai cấp.

Điểm nổi bật trong học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo là, tôn giáo được xem xét gắn liền với thực tiễn đấu tranh giai cấp ở châu Âu đương thời, phục vụ trực tiếp những yêu cầu cách mạng của giai cấp vô sản. Do hoàn cảnh lúc đó, các ông phải nói nhiều đến mặt tiêu cực của tôn giáo, mà chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu các khía cạnh văn hoá, tâm lý, tình cảm, đạo đức của tôn giáo. Tuy nhiên, phải thấy rằng, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác – Lênin cũng đã lưu ý đến khía cạnh tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, nhu cầu của sự phát triển xã hội trong những thời kỳ lịch sử nhất định. Ph.Ăngghen viết: "Tôn giáo do con người tạo ra, bản thân những người này cảm thấy được nhu cầu cần phải có tôn giáo và họ hiểu được những nhu cầu cần có tôn giáo của quần chúng"(4).

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.1. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 570.

(4) C. Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.19, tr. 438-439.

Theo ông, sự xuất hiện của đạo Kitô ở La Mã cổ đại đã đáp ứng mong muốn được giải phóng của quần chúng nô lệ bị áp bức, nhưng họ lại không tìm được cách giải phóng trong hiện thực. C.Mác đã từng chỉ rõ rằng, chính sự không hoàn thiện của con người đã sản sinh ra một thế giới cần có tôn giáo và ngược lại, tôn giáo cũng đáp ứng những yêu cầu của con người trong các thế giới ấy. Khi bàn về thuyết tạo thần, V.I.Lênin cũng nhìn thấy tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, chỉ có điều là đứng trước kẻ thù đang ra sức đề cao nhu cầu tôn giáo để chống lại cách mạng, ông đã phê phán không thương tiếc những nhà văn tuyên truyền tạo thần và "nâng nhu cầu tôn giáo lên".

Về chính sách của Đảng Cộng sản đối với tôn giáo, V.I.Lênin luôn nhắc nhở rằng, không được đối xử với tôn giáo một cách thô bạo, không được công khai tuyên chiến với tôn giáo; cần phải gắn việc phê phán tôn giáo với vận động quần chúng, đưa họ tham gia vào các hoạt động thực tiễn nhằm xây dựng "thiên đường trên trái đất".

Như vậy, có thể khẳng định rằng, có một đạo đức tôn giáo và đạo đức ấy mang tính đặc thù; đồng thời, có sự giao thoa giữa những giá trị đạo đức chung toàn nhân loại với đạo đức tôn giáo. Tuy theo hoàn cảnh ra đời và những điều kiện lịch sử cụ thể, tư tưởng đạo đức trong mỗi tôn giáo có những nét đặc thù riêng biệt. Ngoài mặt hạn chế, đạo đức tôn giáo cũng có một số giá trị nhất định trong đời sống xã hội, là một trong những nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền đạo đức xã hội.

Về những ảnh hưởng tích cực của đạo đức tôn giáo.

Do tôn giáo có sự đồng hành lâu dài với con người trong lịch sử, nên có thể xem nó

như một phần tài sản văn hoá của nhân loại. Trong quá trình phát triển, lan truyền trên bình diện thế giới, tôn giáo không chỉ đơn thuần chuyển tải niềm tin của con người, mà còn có vai trò chuyển tải, hoà nhập văn hoá và văn minh, *góp phần duy trì đạo đức xã hội nơi trần thế*. Nó có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống tinh thần của con người. Với tư cách một bộ phận của ý thức hệ, tôn giáo đã đem lại cho cộng đồng xã hội, cho mỗi khu vực, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc những biểu hiện độc đáo thể hiện trong cách ứng xử, lối sống, phong tục, tập quán, trong các yếu tố văn hoá vật chất cũng như tinh thần.

Điều dễ nhận thấy là, những hệ thống đạo đức của tôn giáo rất khác nhau về niềm tin, rất xa nhau về địa lý vẫn có một mẫu số chung là nội dung *khuyến thiện*. Điểm mạnh trong truyền thụ đạo đức tôn giáo là, ngoài những điều phù hợp với tình cảm đạo đức của nhân dân, nó được thực hiện thông qua tình cảm tín ngưỡng, niềm tin vào giáo lý. Do đó, tình cảm đạo đức tôn giáo được tín đồ tiếp thu, tạo thành đức tin thiêng liêng bên trong và chi phối hành vi ứng xử của họ trong các quan hệ cộng đồng. Hoạt động hướng thiện của con người được tôn giáo hoá sẽ trở nên mạnh mẽ hơn, nhiệt thành hơn.

Là hình thức phản ánh đặc thù, phản ánh hư ảo thế giới hiện thực, tôn giáo đã góp phần chế ngự các hành vi phi đạo đức. Do tuân thủ những điều răn dạy về đạo đức của các tôn giáo, nhiều tín đồ đã sống và ứng xử đúng đạo lý, góp phần làm cho xã hội ngày càng thuần khiết.

Đặc biệt, đạo đức tôn giáo được hình thành trên cơ sở niềm tin vào cái siêu nhiên (Thượng đế, Chúa, Thánh Ala) và sau này, Đức Phật cũng được thiêng hoá,

nên các tín đồ thực hành đạo đức một cách rất tự nguyện, tự giác. Song, suy cho cùng, việc thực hiện những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức ấy cũng là để phục vụ cho niềm tin siêu nhiên. Sự đan xen giữa hy vọng và sợ hãi, giữa cái thực và cái thiêng đã mang lại cho tôn giáo khả năng thuyết phục tín đồ khá mạnh mẽ. Trên thực tế, chúng ta thấy nhiều người cung tiến rất nhiều tiền của vào việc xây dựng chùa chiền, làm từ thiện... vốn là những tín đồ tôn giáo.

Đạo đức tôn giáo hướng con người đến những giá trị nhân bản, góp phần tích cực vào việc hoàn thiện đạo đức cá nhân. Bất kỳ tôn giáo nào cũng đề cập đến tình yêu. Tinh thần "từ bi" trong Phật giáo không chỉ hướng đến con người, mà còn đến cả muôn vật, cỏ cây. Phật giáo kêu gọi lòng nhân đạo, yêu thương và bảo vệ sự sống. Đặc biệt, trong quan hệ giữa con người với con người, Phật giáo muốn tình yêu thương ấy phải biến thành hành động "bố thí", cứu giúp những người đau khổ hoặc "nhẫn nhục" để giữ gìn đoàn kết.

Muốn giải thoát khỏi đau khổ, con người phải tự hoàn thiện đạo đức cá nhân, diệt trừ tham, sân, si, xoá bỏ vô minh, chặt đứt cây "nghiệp" để vượt qua biển khổ luân hồi.

Đạo đức của Kitô giáo cũng đề cập đến tình yêu: yêu thương bản thân mình, yêu tha nhân và yêu thiên nhiên; trong đó, yêu tha nhân là trọng tâm của quan niệm đạo đức về tình yêu. Những chuẩn mực của đạo đức Kitô giáo giúp con người hoàn thiện đạo đức cá nhân trong quan hệ với cộng đồng. Tình yêu tha nhân ở đây không đơn thuần là tình yêu trong tâm tưởng, mà được cụ thể hoá: cho kẻ đói ăn, cho kẻ rách mặc, chăm sóc người ốm đau, bệnh hoạn,

khuyến can người lầm lỗi... Tóm lại, đây là những hành vi đạo đức rất cụ thể, rất thiết thực khi trong xã hội còn nhiều cảnh khổ cần được cứu vớt, giúp đỡ.

Tuy nhiên, tình yêu, lòng từ bi mà đạo đức tôn giáo đề cập đến còn chung chung, trừu tượng. Các tôn giáo đều muốn san bằng mọi bất công, mâu thuẫn trong xã hội bằng đạo đức. Ý tưởng đó dù tốt đẹp, nhưng khó có thể hiện thực hoá trong cuộc sống trần thế. Song, có thể nói, việc hoàn thiện đạo đức cá nhân mà đạo đức tôn giáo đề ra nhằm hướng đến mục đích siêu nhiên, hướng đến chốn Thiên đường của Chúa hay cõi Niết bàn của Phật, dẫu sao vẫn có những tác động tích cực đến đạo đức cá nhân và xã hội.

Về những ảnh hưởng tiêu cực của đạo đức tôn giáo.

Về bản chất, chúng ta không thể quên rằng, thế giới quan tôn giáo là thế giới quan tiêu cực. Một khi đã thâm nhập vào ý thức con người (các tín đồ, các giáo dân và quần chúng chịu ảnh hưởng của tôn giáo), nó sẽ làm cho con người lãng quên hiện thực, đặt tất cả tinh thần, tâm tưởng vào thần thánh hư ảo mà họ tin đó là giá trị đích thực. Chức năng thế giới quan của tôn giáo dẫn dắt các tín đồ theo một triết lý sống không hành động, không đấu tranh trong thực tại, lấy tu dưỡng tâm tính làm điều cốt yếu để mau chóng được giải thoát ở bên ngoài thực tại, nơi Thiên đường của Chúa hay Niết bàn của Phật. Theo cách nhìn của tôn giáo, cuộc đời là nơi đầy những cám dỗ, "lành ít, dữ nhiều", đầy những cạm bẫy, những cái ác, những sự ô uế, vẩn đục làm vấy bẩn linh hồn. Muốn sớm được đến gần Chúa và trở về nơi nước Chúa, các con chiên phải tránh xa quỷ dữ.

Muốn chứng được Niết bàn (đạt đến giải thoát), các tín đồ Phật tử phải từ bỏ mọi ham muốn dục vọng, diệt trừ tham, sân, si. Tất cả những quan niệm, những triết lý sống đó cho thấy mặt tiêu cực của thế giới quan tôn giáo.

Hạnh phúc trong đạo đức tôn giáo là hạnh phúc hư ảo. Tôn giáo không đề cao cuộc sống trần gian. Mặt khác, nó khuyên con người nhận nhục trước tình cảnh nô lệ, biết sợ hãi trước sức mạnh siêu nhiên. Chính vì vậy, tôn giáo trở thành công cụ phục vụ đắc lực cho lợi ích của giai cấp thống trị (dù rằng, lúc đầu tôn giáo không phải là của giai cấp thống trị). Tôn giáo làm cho nhân dân đắm chìm vào đam mê, làm tê liệt ý chí đấu tranh giai cấp. C.Mác gọi "tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân" là theo nghĩa đó và cũng vì vậy, đạo đức tôn giáo đối lập với đạo đức chân chính.

Về mặt nào đó, đạo đức tôn giáo đã tạo cho con người thế giới quan và nhân sinh quan sai lệch, làm hạn chế tính tích cực, chủ động và sáng tạo của con người. Đạo đức tôn giáo hướng con người tới khát vọng hạnh phúc, song đó là thứ hạnh phúc hư ảo, hão huyền. Tình thần nhận nhục mà các tôn giáo đề ra thể hiện thái độ cực đoan, thủ tiêu đấu tranh. Nó tạo cho các tín đồ thái độ bàng quan trước thế giới hiện thực, bằng lòng với số phận, không tích cực đấu tranh chống lại những cái xấu, cái ác; an ủi và ru ngủ con người trong niềm tin rằng kẻ gây tội ác sẽ phải chịu "quả báo" hoặc bị trừng trị ở kiếp sau. Chính tâm lý đó đã ngăn cản con người đi đến hạnh phúc thực sự của mình nơi trần thế.

Thêm nữa, đạo đức tôn giáo quá chú trọng đến việc hoàn thiện đạo đức cá nhân

nhưng lại bỏ quên các mối quan hệ xã hội của con người. Với tính cách một hình thái ý thức xã hội, đạo đức cũng phản ánh tồn tại xã hội, cũng có quá trình phát sinh, phát triển và biến đổi cùng với điều kiện sinh sống của con người. Do vậy, muốn hoàn thiện đạo đức cá nhân, không thể tách nó khỏi những điều kiện sinh hoạt vật chất cùng các quan hệ xã hội khác của con người.

C.Mác đã khẳng định rằng, "bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội" và nhân cách con người cũng chỉ có thể được hoàn thiện trong các mối quan hệ xã hội mà thôi.

Như trên đã phân tích, đạo đức tôn giáo có nhiều điểm tích cực, phù hợp với xã hội ta hiện nay. Song, cũng sẽ là không khoa học, nếu chúng ta tuyệt đối hoá đạo đức tôn giáo, thổi phồng vai trò của nó. Ph.Ăngghen từng khẳng định rằng, ngay cả một số yếu tố tiến bộ của đạo đức tôn giáo cũng chỉ giống với đạo đức mới của chúng ta về mặt hình thức mà thôi. Vì vậy, mặc dù tôn giáo "là sự phản kháng chống lại sự nghèo nàn của hiện thực" nhưng rất cuộc, nó vẫn chỉ là một sự phản kháng mang tính tiêu cực, thụ động của con người mà thôi.

Có thể nói, trong điều kiện hiện nay, việc phân tích vai trò của đạo đức tôn giáo để khẳng định một cách khách quan, khoa học những đóng góp, đồng thời chỉ ra những ảnh hưởng tiêu cực của nó trong đời sống xã hội là điều cần thiết. Chúng ta hy vọng rằng, những giá trị nhân văn, hướng thiện, những chuẩn mực đạo đức tiến bộ trong tôn giáo sẽ góp phần làm phong phú hệ giá trị đạo đức của dân tộc và hữu ích trong công cuộc xây dựng xã hội mới. □